

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 03/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Long Hính;

Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Quỳnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 05/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 19/4/2019 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn Q, sinh ngày 25/11/1984 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 74-QĐ/UBKTHU ngày 04/01/2019; con ông Nông Văn H và bà Ma Thị L; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/12/2018 đến ngày 28/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Lưu Văn N, sinh ngày 06/5/1966 tại Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn N và bà Nguyễn Thị N; vợ Ma Thị C và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/12/2018 đến ngày 28/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ma Văn H; có mặt.

+ Ma Văn T; có mặt.

+ Nguyễn Văn T; có mặt.

+ Nguyễn Văn B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/12/2018, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phản ánh tại khu vực thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang có nghe thấy tiếng nổ mìn, tổ công tác Công an xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang, đã tiến hành kiểm tra thì phát hiện 01 lán lợp bằng bạt rửa màu xanh, cọc bằng tre nửa tại khu vực lán có 05 người gồm: Nông Văn Q, sinh năm 1984; Lưu Văn N, sinh năm 1966; Ma Văn H, sinh năm 1986; Ma Văn T; sinh năm 1981, đều trú tại thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn T; sinh năm 1976; HKTT: xã N, huyện C, tỉnh B; Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, trú tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình kiểm tra phát hiện tại khu vực cách lán khoảng 50m có 01 bao tải màu trắng, bên trong có: 01(*Một*) túi nilong bên trong có 29 vật hình trụ tròn, đường kính 0,6cm x 4,6 cm, đầu của vật hình trụ được gắn với sợi dây điện màu vàng và màu đỏ; 03 (*Ba*) túi nilong, trong đó 02 (*hai*) túi còn nguyên vẹn, bên trong mỗi túi có 10 (*mười*) vật hình trụ, vỏ màu nâu, in chữ AD1.#32.200g.21, có kích thước dài 25 cm, rộng 03cm; 01 (*một*) túi ni long đã bị bóc, bên trong có 08 (*Tám*) vật hình trụ, vỏ màu nâu, in chữ AD1.Ø32.200g.21, có kích thước dài 25cm x 03cm, tổng số tang vật thu giữ gồm 28 thỏi hình trụ, vỏ nâu nghi là thuốc nổ = 5,6kg và 29 vật hình trụ tròn nghi là kíp điện.

Công an xã N đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện V để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Ngày 24/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 18/TCGD trưng cầu giám định đối với mẫu vật được trích ra từ số tang vật thu giữ trên.

Tại Kết luận giám định số 68/KL-PC09 ngày 29/12/2018 của Phòng Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: 03 vật hình trụ tròn gửi giám định, ký hiệu lần lượt A1, A2, A3 là vật liệu nổ, loại thuốc nổ công nghiệp AMONIT; 02 vật hình trụ tròn gửi giám định, ký hiệu A4 là vật liệu nổ, loại kíp nổ điện.

Quá trình điều tra các bị cáo Nông Văn Q, Lưu Văn N đã khai nhận: Khoảng giữa tháng 12/2018, sau khi nhận hợp đồng thi công Đề án thí điểm nuôi cá hồi, tại Thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang với chủ đầu tư là bà Nguyễn Tuyết M trú tại số 145A, đường D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội, bị cáo Nông Văn Q sinh năm 1984, nơi cư trú thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã thuê thêm 05 người là: Lưu Văn N, sinh năm 1966; Ma Văn H, sinh năm 1986; Ma Văn T; sinh năm 1981, đều trú tại thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, trú tại: xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, trú tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên,

cùng Q đi thi công, công trình để nuôi cá hồi. Do đã đến khảo sát địa điểm thi công từ trước, Q biết địa điểm thi công có nhiều tảng đá, nên Q bảo với Lưu Văn N (*N là chú rể của Q*) đi tìm mua vật liệu nổ để mang đi sử dụng vì nơi thi công công trình có nhiều đá, cần phải có vật liệu nổ để phá đá phục vụ việc thi công, Lưu Văn N đồng ý và tìm mua vật liệu nổ cho Q. Ngày 17/12/2018, Lưu Văn N đến khu vực bãi đá Thác Giềng thuộc phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, tự ứng trước tiền của mình ra mua vật liệu nổ của 01 người tên là Đa, làm ở bãi đá Thác Giềng với số lượng là 03 túi thuốc nổ = 6kg và hơn 30 cái kíp với giá 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) mang về. Sau khi mua được vật liệu nổ, N đã gọi điện báo cho Q biết và được Q bảo cất giấu vật liệu nổ đi, để khi nào đi làm thi công công trình sẽ mang theo phục vụ việc thi công.

Khoảng 4 giờ sáng ngày 18/12/2018, Nông Văn Q thuê 01 chiếc xe ô tô đến thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đón Q, N và 04 người đi đến khu vực Thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang. Khi đi Lưu Văn N mang theo số vật liệu nổ đã mua ở trên theo sự chỉ đạo của Nông Văn Q với mục đích dùng kích nổ mìn phá đá phục vụ việc thi công công trình (*Việc mang thuốc nổ trên xe chỉ có Q, N biết*). Tại đây từ ngày 19/12/2018 đến ngày 20/12/2018 Q phân công: Ma Văn H; Ma Văn T; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn B làm công việc cào, vét đất, đá sỏi dọn dẹp lòng suối và nấu ăn; Lưu Văn N trực tiếp dùng máy khoan, khoan 04 lỗ khoan vào các vị trí trên các tảng đá theo sự chỉ đạo của Nông Văn Q, còn Nông Văn Q dùng 02 thỏi thuốc nổ (*mỗi thỏi nặng khoảng 200 gam*) và 04 cái kíp điện nhồi vào 04 lỗ khoan, đấu dây điện, sau đó dùng bình ắc quy quét hai đầu dây điện vào nhau kích nổ số vật liệu nổ trên. Kết quả điều tra xác định, Nông Văn Q, Lưu Văn N không có chứng chỉ được phép sử dụng vật liệu nổ, việc các bị cáo mua bán, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ là không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo: Nông Văn Q, Lưu Văn N về tội Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Q khai nhận, sau khi nhận hợp đồng thi công Đề án thí điểm nuôi cá hồi, tại Thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang với chủ đầu tư là bà Nguyễn Tuyết M ở thành phố Hà Nội, bị cáo đã đến khảo sát địa điểm thi công được biết địa điểm thi công có nhiều tảng đá, nên Q có chỉ đạo Lưu Văn N đi tìm kiếm vật liệu nổ để đưa sang xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang thử nghiệm nổ phá đá, nhưng không nói cụ thể số lượng vật liệu nổ là bao nhiêu; nếu thử nghiệm được thì sẽ xin cơ quan có thẩm quyền cấp phép để sử dụng, sau khi N mua về thì bị cáo mới sử dụng 02 thỏi thuốc nổ (*mỗi thỏi nặng khoảng gần 200 gam*) và 04 cái kíp điện.

Bị cáo Lưu Văn N khai nhận: Sau khi được Q nói đi tìm kiếm vật liệu nổ để sử dụng vào phá đá thi công, Lưu Văn N đồng ý. Ngày 17/12/2018, N đến khu vực bãi đá Thác Giềng thuộc phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, tự ứng

trước tiên của mình ra mua vật liệu nổ của 01 người tên là Đa, làm ở bãi đá Thác Giềng với số lượng là 03 túi thuốc nổ và hơn 30 cái kíp với giá 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) mang về. Sau khi mua được vật liệu nổ, N đã gọi điện báo cho Q biết và được Q bảo cất giấu vật liệu nổ đi, để khi nào đi làm thi công công trình sẽ mang theo phục vụ việc thi công. Bị cáo trực tiếp dùng máy khoan, khoan 04 lỗ khoan vào các vị trí trên các tầng đá để Quân nhồi thuốc nổ vào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang duy trì quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn Q, Lưu Văn N phạm tội "Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn Q, Lưu Văn N.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nông Văn Q từ 2 năm 6 tháng đến ba năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 60 tháng.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Lưu Văn N từ hai năm đến hai năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 2/7/2013 của Chính phủ;

Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) máy phát điện màu đỏ, nhãn hiệu YI HU YH 3000-II, máy đã cũ, đã qua sử dụng.

- Toàn bộ số vật chứng không chuyển theo hồ sơ vụ án mà giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có điều kiện thời gian thi công công trình Đề án nuôi thử nghiệm cá hồi của địa phương.

Kết thúc phần tranh luận và đối đáp đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố, lời luận tội, mức án đề nghị đối với các bị cáo và những vấn đề khác trong vụ án đã đề nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên:

Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo đều thống nhất, phù hợp với các lời khai của bị cáo Q thể hiện tại (BL 121 -126, BL 230 -233), lời khai của bị cáo N (BL 137-146, BL226 - 229); phù hợp với lời khai của người làm chứng tại phiên tòa và các lời khai lưu trong hồ sơ vụ án (BL 147 - 182), Biên bản kiểm tra ngày 20/12/2018 (BL 01- 02), Kết luận giám định số 68/KL-PC09 ngày 29/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở Kết luận: Khoảng giữa tháng 12/2018, bị cáo Nông Văn Q, đã chỉ đạo Lưu Văn N đi mua vật liệu nổ để nổ mìn phá đá phục vụ việc thi công Đề án thí điểm nuôi cá hồi, tại Thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang và đã được Lưu Văn N đồng ý; ngày 17/12/2018, N đi đến bãi đá Thác Giềng thuộc phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn mua được 03 túi thuốc nổ và hơn 30 cái kíp điện với giá là 2.400.000,đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) của 01 người tên là Đa. Ngày 18/12/2018, Q và Ngô đã mang toàn bộ số vật liệu nổ trên sang khu vực suối Thác Sinh, thuộc thôn N, xã N, huyện V sử dụng kích nổ mìn hết khoảng 0.4kg thuốc nổ và 04 cái kíp điện để phá đá phục vụ việc thi công công trình nuôi cá hồi. Số vật liệu nổ còn lại N đã mang đi cất giấu ở một bụi cây cách lán ở khoảng 50m. Ngày 20/12/2018, tổ công tác của Công an xã N đã tiến hành kiểm tra nơi ở và làm việc của nhóm công nhân do Q thuê phát hiện 28 thời thuốc nổ = 5,6kg và 29 cái kíp điện. Quá trình thi công công trình Nông Văn Q và Lưu Văn N không có chứng chỉ được phép sử dụng vật liệu nổ, không được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp phép về mua bán, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ.

Tại Kết luận giám định số 68/KL-PC09 ngày 29/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Toàn bộ mẫu vật được trích gửi giám định đều là vật liệu nổ, trong đó có: Kíp nổ điện và thuốc nổ Amonit.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn Q, Lưu Văn N đã phạm vào tội "Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ" quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm

phạm đến an ninh, trật tự, an toàn công cộng, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ.

Xét thấy: Bị cáo Q, N là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật, nếu ai cố tình xâm phạm sẽ bị pháp luật trừng phạt; song vì động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là do địa điểm thi công công trình bị cáo Q ký hợp đồng với chủ đầu tư về thực hiện Đề án thử nghiệm nuôi cá hồi tại xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang có nhiều tảng đá lớn, bị cáo muốn thực hiện hoàn thành Đề án được nhanh chóng để đưa vào thử nghiệm, nếu đạt hiệu quả thì sẽ tạo được nhiều công ăn, việc làm cho người dân tại xã N, nên bị cáo Q đã bất chấp pháp luật chỉ đạo cho Lưu Văn N mua vật liệu nổ đưa về công trình để sử dụng phá đá; quá trình thực hiện bị cáo Q, N không có chứng chỉ hành nghề về sử dụng vật liệu nổ và không xin phép cơ quan có thẩm quyền cấp phép về sử dụng vật liệu nổ. Vì vậy, các bị cáo phải chịu TNHS tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây nên, cần phải có mức án nghiêm khắc đối với từng bị cáo để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng, chống loại tội phạm này.

[3] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Đối với bị cáo Q là người khởi sự, chỉ đạo Lưu Văn N đi tìm kiếm vật liệu nổ về để sử dụng; trong khi đó bị cáo không có chứng chỉ hành nghề về sử dụng vật liệu nổ; là người trực tiếp thuê xe ô tô để cùng với N đưa vật liệu nổ từ Bắc Kạn về Thác Sinh, thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; đồng thời chỉ đạo Lưu Văn N dùng máy khoan, khoan 04 lỗ vào các vị trí trên các tảng đá để Q thực hiện dùng 02 gói thuốc nổ (*mỗi gói nặng khoảng 200 gam*) và 04 cái kẹp điện nhồi vào 04 lỗ khoan, đấu dây điện, sau đó dùng bình ắc quy quẹt hai đầu dây điện vào nhau kích nổ số vật liệu nổ trên. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo Q với mức hình phạt nặng hơn.

Đối với bị cáo Lưu Văn N, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, là người làm thuê cho bị cáo Q với mức lương 200.000đ/ngày; thực hiện theo sự chỉ đạo của Q ứng trước tiền ra để mua vật liệu nổ cho Q, cùng với Q đưa vật liệu nổ về địa điểm thi công công trình; đồng thời là người cùng với Q thực hiện hành vi sử dụng vật liệu nổ; vì vậy, cần xử phạt bị cáo Ngô với mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Q.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N đã nhận thức được hành vi phạm tội

của mình, khai báo thành khẩn, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra làm rõ nội dung của vụ án. Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Q trong quá trình sinh sống và lao động tại địa phương, bị cáo đã được Ban Chỉ huy Quân sự huyện C và UBND xã Q tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng quân sự địa phương và trong công tác; bị cáo Lưu Văn N là người dân tộc, sống ở vùng sâu vùng xa, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm để cải tạo thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét thấy, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo các bị cáo tại địa phương và gia đình để các bị cáo thấy rõ được sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, sống và làm việc theo pháp luật là cũng đủ răn đe và thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Hội đồng xét xử đồng thuận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Giang về đề nghị tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với từng bị cáo và xử lý vật chứng, án phí.

Các bị cáo Q, N được Hội đồng xét xử tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, các bị cáo đang chấp hành quyết định cho bảo lãnh của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định cho bảo lãnh số 07/2019/HSST-QĐ ngày 05/4/2019 đối với bị cáo Nông Văn Q và Quyết định cho bảo lãnh số 08/2019/HSST-QĐ ngày 05/4/2019 đối với bị cáo Lưu Văn N.

[5] Về vật chứng vụ án: Xét thấy vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ bao gồm: 28 (hai mươi tám) gói thuốc nổ hình trụ, màu nâu, mỗi gói dài khoảng 25cm, nặng khoảng 200gam. Tổng số 5,57kg thuốc nổ (đã trừ mẫu giám định). 29 (hai mươi chín) cái kẹp điện hình trụ tròn, đường kính 0,6cm, dài 4,6cm, trên đầu có gắn 02 sợi dây điện màu vàng và đỏ, toàn bộ số vật chứng trên không chuyển theo hồ sơ vụ án. Căn cứ Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 2/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số [18/2002/NĐ-CP](#) ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ. Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

Về vật chứng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Q và chuyển theo hồ sơ vụ án gồm: 01 máy phát điện màu đỏ, nhãn hiệu YI HU YH3000-II, máy đã cũ,

đã qua sử dụng; đây là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về những người liên quan trong vụ án: Đối với 04 người là Ma Văn H, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B được Q thuê cùng đi làm thi công công trình nuôi thử nghiệm cá hồi và được giao làm công việc cào, vét đá, sỏi ở lòng suối và nấu cơm. Quá trình điều tra xác định những công dân này được chứng kiến và biết việc N và Q sử dụng vật liệu nổ, kích nổ mìn phá đá, nhưng không tham gia vào việc sử dụng vật liệu nổ cùng Q và N. Tại Cơ quan điều tra lời khai của Ma Văn H, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai, bản cung của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong vụ án, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Tuyết M, ngay sau khi làm Tờ trình và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện V đồng ý cho thi công dự án nuôi cá hồi tại thôn N, xã N, huyện V, bà M đã làm hợp đồng giao toàn bộ công trình lại cho Nông Văn Q trực tiếp thi công các hạng mục trong Đề án, bà M chỉ đứng ra nghiệm thu công trình sau khi đã hoàn thành. Quá trình làm hợp đồng và thi công bà M không chỉ đạo Q sử dụng vật liệu nổ và cũng không cung cấp vật liệu nổ cho Q, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng trình tự pháp luật.

Đối với trường hợp người tên là Đa: Quá trình điều tra, bị cáo Lưu Văn N khai mua vật liệu nổ của một người tên là Đa ở khu vực bãi đá Thác Giềng thuộc tỉnh Bắc Kạn, do không có đầy đủ thông tin lai lịch, địa chỉ của Đa, tiến hành xác minh tại khu vực bãi đá Thác Giềng thuộc phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn không có trường hợp người nào tên là Đa như bị cáo N đã khai báo. Do vậy, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn Q, bị cáo Lưu Văn N phạm tội "Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ".

2. Hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn Q 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Lưu Văn N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Giao các bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo;

- Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 2/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số [18/2002/NĐ-CP](#) ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 máy phát điện màu đỏ, nhãn hiệu YI HU YH3000-II, máy đã cũ, đã qua sử dụng.

Tình trạng đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019 giữa cơ quan Công an tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

- Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền số vật chứng bao gồm: 28 (hai mươi tám) thỏi thuốc nổ hình trụ, màu nâu, mỗi thỏi dài khoảng 25cm, nặng khoảng 200gam. Tổng số 5,57kg thuốc nổ, 29 (hai mươi chín) cái kíp điện hình trụ tròn, đường kính 0,6cm, dài 4,6cm, trên đầu có gắn 02 sợi dây điện màu vàng và đỏ.

Tình trạng và đặc điểm vật chứng vật liệu nổ như phiếu nhập kho vật chứng số 06/PNK ngày 08/01/2019 của Phòng PC 10 Công an tỉnh Hà Giang.

4. Về án phí

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nông Văn Q và Lưu Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06; PC01; PA 09 Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Huyện ủy C, tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan

